

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2022/KDTM-ST
Ngày: 08-9-2022
V/v: Tranh chấp hợp đồng dịch
vụ bảo vệ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Minh Quốc Việt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hồ Kim Liên
2. Ông Trần Hùng Bích

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thu Thảo – thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: ông Kiều Văn Liêu - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 28/2022/TLST-KDTM ngày 17 tháng 06 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ bảo vệ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 323/2022/QĐXXST-KDTM ngày 21 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: công ty Trách nhiệm hữu hạn dịch vụ B.

Người đại diện theo pháp luật: ông Trần Văn P - Giám đốc (theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304279057 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký lần đầu vào ngày 31/3/2006).

Địa chỉ: số A đường số B, khu dân cư C, phường D, quận E, thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần A.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tổng Duy M – Phó Tổng Giám đốc (theo Nghị quyết số 02/2021/NQ-VA ngày 05 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần A).

Địa chỉ: đường F, khóm G, phường H, thành phố X, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng đại diện nguyên đơn trình bày:

Từ năm 2014 đến năm 2020 Công ty Trách nhiệm hữu hạn dịch vụ B (sau đây gọi là Công ty B) nhận dịch vụ bảo vệ cho Công ty Cổ phần A (sau đây gọi là Công ty A). Hai bên ký kết các hợp đồng dịch vụ bảo vệ và hàng năm đối chiếu công nợ, thể hiện Công ty A còn nợ theo các biên bản xác nhận công nợ. Ngày 04 tháng 8 năm 2020 Công ty A xác nhận đến ngày 10/7/2020 còn nợ Công ty B số tiền 1.434.725.913 đồng, tính tròn 1.434.725.000 đồng (một tỉ, bốn trăm ba mươi bốn triệu, bảy trăm hai mươi lăm ngàn đồng).

Nhiều lần Công ty A có văn bản yêu cầu thanh toán và hai bên có các biên bản làm việc xác nhận nợ và cam kết trả nhưng Công ty A không thanh toán, vi phạm nghĩa vụ thanh toán của hợp đồng dịch vụ bảo vệ đã ký kết. Do đó, Công ty Trách nhiệm hữu hạn dịch vụ B yêu cầu Công ty Cổ phần A có trách nhiệm thanh toán số tiền 1.434.725.913 đồng, tính tròn 1.434.725.000 đồng (một tỉ, bốn trăm ba mươi bốn triệu, bảy trăm hai mươi lăm ngàn đồng).

Rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 1.479.445.913 đồng - 1.434.725.913 đồng = 44.720.000 đồng.

Bị đơn Công ty Cổ phần A vắng mặt trong quá trình tố tụng, không có văn bản trình bày ý kiến:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu:

Về tố tụng: việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án phù hợp quy định pháp luật.

Về nội dung: đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty B. Buộc Công ty A có trách nhiệm thanh toán số tiền 1.434.725.000 đồng (một tỉ, bốn trăm ba mươi bốn triệu, bảy trăm hai mươi lăm ngàn đồng). Đình chỉ đối với số tiền 44.720.000 đồng Công ty B rút lại, không yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, nghe lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tranh chấp giữa công Công ty B và Công ty A là tranh chấp hợp đồng dịch vụ bảo vệ, các bên có đăng ký kinh doanh, đây là vụ án kinh doanh, thương mại theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Đại diện hợp pháp của Công ty A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản

3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đại diện Công ty A.

[1.3] Tại phiên tòa, đại diện Công ty B rút lại yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 1.479.445.913 đồng - 1.434.725.913 đồng = 44.720.000 đồng. Căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu đã rút tại phiên tòa.

[2] Về nội dung:

[2.1] Từ năm 2014 đến năm 2020 Công ty Trách nhiệm hữu hạn dịch vụ B (sau đây gọi là Công ty B) nhận dịch vụ bảo vệ cho Công ty Cổ phần A (sau đây gọi là Công ty A). Hai bên ký kết các hợp đồng dịch vụ bảo vệ và hàng năm đối chiếu công nợ, thể hiện Công ty A còn nợ theo các biên bản xác nhận công nợ. Ngày 04 tháng 8 năm 2020 Công ty A xác nhận đến ngày 10/7/2020 còn nợ Công ty B số tiền 1.434.725.913 đồng, tính tròn 1.434.725.000 đồng (một tỉ, bốn trăm ba mươi bốn triệu, bảy trăm hai mươi lăm ngàn đồng).

[2.2] Công ty B và A xác lập hợp đồng dịch vụ bảo vệ theo quy định tại Điều 513 Bộ luật dân sự. Ngày 04 tháng 8 năm 2020 Công ty A xác nhận đến ngày 10/7/2020 còn nợ Công ty B số tiền 1.434.725.000 đồng (một tỉ, bốn trăm ba mươi bốn triệu, bảy trăm hai mươi lăm ngàn đồng), nhiều lần cam kết thanh toán nhưng không thanh toán theo cam kết và hợp đồng. Công ty A đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền dịch vụ bảo vệ theo quy định tại Điều 519 Bộ luật dân sự. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Công ty B là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Yêu cầu khởi kiện của Công ty B được chấp nhận nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí. Công ty A có trách nhiệm nộp án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 273; Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 3 Luật thương mại;
- Điều 519; Điều 513 Bộ luật Dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn dịch vụ B đối với Công ty Cổ phần A.

[1.1] Buộc Công ty Cổ phần A có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn dịch vụ B số tiền 1.434.725.000 đồng (một tỉ, bốn trăm ba mươi bốn triệu, bảy trăm hai mươi lăm ngàn đồng)

[1.2] Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu đã rút là số tiền 1.479.445.913 đồng - 1.434.725.913 đồng = 44.720.000 đồng.

[2] Về án phí sơ thẩm:

[2.1] Công ty Trách nhiệm hữu hạn dịch vụ B được nhận lại 28.192.000 đồng (hai mươi tám triệu, một trăm chín mươi hai ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001399 ngày 09 tháng 6 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên

[2.2] Công ty Cổ phần A có trách nhiệm nộp 55.041.800 đồng (năm mươi lăm triệu, không trăm bốn mươi một ngàn, tám trăm đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

[3] Về quyền kháng cáo:

Đại diện Công ty A được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Công ty B được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

(Đã giải thích điều 26 Luật thi hành án)

Nơi nhận:

- Các đương sự “Đề thi hành”;
- VKSND – TPLX;
- TAND tỉnh An Giang;
- THADS TPLX;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Minh Quốc Việt